

Số: 83/2024/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 14 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định về thành lập, nội dung, mức chi kinh phí và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI MƯƠI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 40/2023/TT-BTC ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

Xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 769/BC-BPC ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định về thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; mức chi và hỗ trợ, bồi dưỡng, mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị, trang bị trang phục, biển hiệu, giấy chứng nhận và các khoản chi khác bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Đối tượng áp dụng: Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định về thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Tại thôn, bản, xóm, tiểu khu, tổ dân phố (gọi chung là bản) được hình thành ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập, sáp nhập và đặt tên bản, tiểu khu, tổ dân phố được thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

2. Mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có 03 thành viên, gồm: 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và tổ viên.

Điều 3. Các nội dung, mức chi kinh phí, bảo đảm điều kiện hoạt động

1. Mức chi hỗ trợ thường xuyên hằng tháng

STT	Chức danh	Mức hỗ trợ/người/tháng		
		Bản loại I	Bản loại II	Bản loại III
1	Tổ trưởng	1.200.000	1.150.000	1.100.000
2	Tổ phó	1.150.000	1.100.000	1.050.000
3	Tổ viên	1.100.000	1.050.000	1.000.000

2. Mức chi hỗ trợ thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế

a) Hỗ trợ 100% mức đóng của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo mức chuẩn nghèo của khu vực nông thôn theo quy định của Chính phủ (*ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện được quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện*) và của người tham gia bảo hiểm y tế tự đóng theo quy định Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế (*tổng mức hỗ trợ tại thời điểm năm 2024 là 378.000 đồng/người/tháng, gồm 297.000 đồng hỗ trợ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, 81.000 đồng hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế tự đóng*).

b) Hỗ trợ bảo hiểm xã hội tự nguyện không áp dụng đối với người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

c) Hỗ trợ bảo hiểm y tế không áp dụng với người tham gia bảo hiểm y tế thuộc nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc, nhóm do tổ chức bảo hiểm xã hội đóng và nhóm do ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% mức đóng.

3. Mức chi bồi dưỡng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi được huy động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền:

a) Khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Mức chi: 30.000đ/người/ngày.

b) Khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 23 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Mức chi: 30.000đ/người/ngày.

c) Khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này thì được bồi dưỡng. Mức chi: 60.000đ/người/ngày.

d) Thời gian thụ hưởng: Không quá 05 ngày/người/tháng



4. Mức chi hỗ trợ đối với Công an viên ở bản; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng, thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi thôi làm nhiệm vụ

a) Đối với Công an viên ở bản; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng dôi dư khi thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các thành viên của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở mà thôi làm nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng mức hỗ trợ một lần bằng tiền tương đương mức hỗ trợ được hưởng tại thời điểm trước khi thôi làm nhiệm vụ, tương ứng với thời gian liên tục người hưởng mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ Công an viên ở bản; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng; thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở nhưng tối đa không quá 03 tháng. Mốc thời gian để tính chế độ thôi việc được tính từ khi có quyết định bổ nhiệm Công an viên ở bản; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và quyết định công nhận thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

STT	Thời gian liên tục người hưởng mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ	Mức hỗ trợ được hưởng khi nghỉ việc
1	Dưới 12 tháng	1 tháng
2	Từ đủ 12 tháng đến dưới 18 tháng	1,4 tháng
3	Từ đủ 18 tháng đến dưới 24 tháng	1,8 tháng
4	Từ đủ 24 tháng đến dưới 30 tháng	2,2 tháng
5	Từ đủ 30 tháng đến dưới 36 tháng	2,6 tháng
6	Từ đủ 36 tháng trở lên	3,0 tháng

b) Quy định này không áp dụng đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Quy định kiêm nhiệm, mức hỗ trợ kiêm nhiệm

Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở mà kiêm nhiệm các chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản thì được hưởng 100% mức hỗ trợ của từng chức danh kiêm nhiệm (*kiêm nhiệm không quá 02 chức danh*) quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 80/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 quy định mức phụ cấp, chế độ kiêm nhiệm của người hoạt động không chuyên trách; mức hỗ trợ, chế độ kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La.

6. Chính sách cho thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế, chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, bị chết khi làm nhiệm vụ

6.1. Chính sách cho thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

a) Trong thời gian bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương: Chi phí khám, chữa bệnh như mức hưởng bảo hiểm y tế cho hạ sỹ quan, chiến sỹ nghĩa vụ, học viên trong Công an nhân dân theo quy định của Bộ Công an, tối đa không quá 15 ngày/đợt điều trị; nếu hết 15 ngày bệnh vẫn chưa ổn định thì điều trị đến khi ổn định và được hỗ trợ chi trả theo hóa đơn thực tế khám, chữa bệnh nhưng tối đa không quá 2.000.000đ/đợt điều trị, một năm hỗ trợ tối đa 02 lần (*có hồ sơ bệnh án kèm theo*).

b) Mức hỗ trợ tiền ăn hàng ngày trong thời gian điều trị nội trú, kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện bằng mức tiền ăn cơ bản của hạ sỹ quan, chiến sỹ nghĩa vụ, học viên trong Công an nhân dân theo quy định của Bộ Công an.

6.2. Chính sách cho thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP.

a) Trường hợp bị tai nạn: Chi phí khám, chữa bệnh như mức hưởng bảo hiểm xã hội cho hạ sỹ quan, chiến sỹ nghĩa vụ, học viên trong Công an nhân dân; được hỗ trợ tiền ăn hàng ngày trong thời gian điều trị nội trú theo quy định của Bộ Công an và được hỗ trợ chi trả theo hóa đơn thực tế khám, chữa bệnh nhưng tối đa không quá 2.000.000đ/đợt điều trị, một năm được hỗ trợ tối đa 02 lần (*có hồ sơ bệnh án kèm theo*).

b) Trường hợp tai nạn dẫn đến chết, kể cả trong thời gian điều trị lần đầu, thì thân nhân được trợ cấp tiền tuất bằng 36 (*ba mươi sáu*) tháng mức hỗ trợ hiện hưởng; người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 10 (*muời*) tháng mức hỗ trợ hiện hưởng (*nếu không thuộc đối tượng hưởng chế độ mai táng phí theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội*).

7. Mức chi hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị; trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

7.1. Mức chi trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Điều 3 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP.

a) Chi trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở lần đầu theo định mức tại Điều 3 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP. ✓

b) Chi trang cấp trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu các năm tiếp theo cho mỗi thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo niên hạn của từng loại theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP.

7.2. Mức chi hỗ trợ mua sắm phương tiện, thiết bị cho Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Điều 4 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP (*Căn cứ khả năng ngân sách địa phương và tình hình thực tiễn để chi hỗ trợ mua sắm phương tiện, thiết bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phục vụ hoạt động*).

7.3. Kinh phí hỗ trợ hoạt động và chi sửa chữa trang thiết bị, phương tiện: 1.000.000 đồng/tổ/năm.

7.4. Kinh phí mua sắm, trang bị lần đầu và trang bị hằng năm của các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở từ nguồn ngân sách tỉnh và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh. Riêng năm 2024, bố trí đảm bảo từ nguồn kinh phí được điều chỉnh từ các nguồn kinh phí đã giao dự toán năm 2024 cho Công an tỉnh.

8. Mức chi hỗ trợ công tác tập huấn, diễn tập, hội thi, bảo đảm điều kiện hoạt động, sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng, các khoản chi khác cho Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Thực hiện theo Thông tư số 40/2023/TT-BTC ngày 09/6/2023 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La và các quy định tài chính hiện hành của Nhà nước.

9. Nội dung quy định tại điểm 7.4, khoản 7 và khoản 8 của Điều này, căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh hằng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định mức chi cụ thể khi phân bổ giao dự toán kinh phí.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách địa phương đảm bảo và bố trí trong dự toán chi hằng năm của Công an tỉnh và ngân sách các huyện, thành phố.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết số 147/2021/NQ-HĐND ngày 18/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, mức hỗ trợ kinh phí đối với Công an viên ở bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố thuộc xã và thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Nghị quyết này bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 78/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, mức phụ cấp, chế độ kiêm nhiệm của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức khoán kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Sơn La; Điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 80/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phụ cấp, chế độ kiêm nhiệm của người hoạt động không chuyên trách; mức hỗ trợ, chế độ kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La.

4. Các văn bản dẫn chiếu để thực hiện các chính sách tại Nghị quyết này thay đổi thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ hai mươi một thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2024./.

Nơi nhận: ✓

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Chủ tịch nước, Chính phủ;
- UB Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Văn Phòng, Cục XDPTBVANTQ - Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND, UBND, UBMTTQ, Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; VP TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND huyện, TP;
- TT Đảng ủy; HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng